

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Hội đồng quản trị	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán	5
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011	13 - 38
8. Phụ lục	39

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

Công ty cổ phần Nam Việt hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5203000050 ngày 02 tháng 10 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi kinh doanh sau:

- Đăng ký thay đổi lần thứ 01 ngày 05 tháng 10 năm 2006, lần thứ 04 ngày 30 tháng 6 năm 2008, lần thứ 05 ngày 17 tháng 11 năm 2010, lần thứ 06 ngày 01 tháng 12 năm 2011 và lần thứ 07 ngày 27 tháng 12 năm 2011 về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh.
- Đăng ký thay đổi lần thứ 02 ngày 01 tháng 8 năm 2007 về việc tăng vốn điều lệ.
- Đăng ký thay đổi lần thứ 03 ngày 18 tháng 8 năm 2007 về việc thay đổi tỷ lệ góp vốn của cổ đông.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

Cổ đông	Vốn góp (VND)	Tỷ lệ (%)
Ông Doãn Tới	299.500.000.000	45,38
Ông Doãn Chí Thanh	90.000.000.000	13,64
Ông Nguyễn Duy Nhứt	100.000.000	0,01
Các cổ đông khác	270.400.000.000	40,97
Cộng	660.000.000.000	100,00

Cổ phiếu của Công ty đã được niêm yết trên sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh từ ngày 20 tháng 12 năm 2006 với mã chứng khoán là ANV.

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang.
Điện thoại : (84-76) 3834060
Fax : (84-76) 3834054
E-mail : namvietagg@hcm.vnn.vn
Mã số thuế : 1600168736

Hoạt động chính của Công ty là:

- Xây dựng công trình dân dụng;
- Xây dựng công trình công nghiệp;
- Xây dựng công trình giao thông (cầu, đường, cống...);
- Xây dựng công trình thủy lợi;
- Nuôi cá;
- Sản xuất bao bì giấy;
- In bao bì các loại;
- Sản xuất, chế biến và bảo quản thủy sản;
- Sản xuất dầu Bio-diesel;
- Chế biến dầu cá và bột cá;
- Sản xuất keo Gentaline và Glycerin;
- Mua bán cá, thủy sản;
- Khai thác khoáng sản: Crômít, muối mỏ công nghiệp và kim loại màu (Sắt, đồng, chì, kẽm...);



CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

- Sản xuất và mua bán phân bón;
- Mua bán kim loại và quặng kim loại;
- Sản xuất, chế biến thức ăn thủy sản.

Những ảnh hưởng quan trọng đến tình hình hoạt động của Công ty

Lợi nhuận của Công ty năm nay tăng đáng kể so với năm trước chủ yếu là do đơn giá bán tăng và chi phí vận chuyển giảm.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 06 đến trang 38).

Trong năm, Công ty đã chia cổ tức năm 2010 theo Nghị quyết họp Đại hội cổ đông thường niên năm 2011 ngày 23 tháng 4 năm 2011 với số tiền là 59.044.725.000 VND.

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Hội đồng quản trị Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2011 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Doãn Tới	Chủ tịch	20 tháng 9 năm 2009	-
Ông Nguyễn Duy Nhứt	Phó Chủ tịch	20 tháng 9 năm 2009	-
Ông Doãn Chí Thanh	Thành viên	20 tháng 9 năm 2009	-
Ông Nguyễn Thừa Bửu	Thành viên	20 tháng 9 năm 2009	28 tháng 7 năm 2011
Ông Đỗ Lập Nghiệp	Thành viên	20 tháng 9 năm 2009	-
Ông Doãn Quốc Xã	Thành viên	20 tháng 9 năm 2009	24 tháng 4 năm 2011
Ông Trần Minh Cảnh	Thành viên	24 tháng 4 năm 2011	-

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Lê Quang Khôi	Trưởng ban	20 tháng 9 năm 2009	24 tháng 4 năm 2011
Ông Trần Ánh	Trưởng ban	24 tháng 4 năm 2011	-
Ông Hà Anh Tú	Thành viên	20 tháng 4 năm 2010	24 tháng 4 năm 2011
Ông Lương Văn Hữu	Thành viên	24 tháng 4 năm 2011	-
Ông Bùi Thiện Khánh	Thành viên	24 tháng 4 năm 2011	-

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Doãn Tới	Tổng Giám đốc	15 tháng 8 năm 2006	-
Bà Dương Thị Kim Hương	Phó Tổng Giám đốc	27 tháng 7 năm 2007	-
Ông Nguyễn Duy Nhứt	Phó Tổng Giám đốc	09 tháng 10 năm 2008	-
Ông Đỗ Lập Nghiệp	Phó Tổng Giám đốc	03 tháng 08 năm 2011	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những Chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty cổ phần Nam Việt tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính

Thay mặt Hội đồng quản trị,



Doãn Tới
Chủ tịch

Ngày 21 tháng 3 năm 2012



**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN
AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**

Số: 0207/2012/BCTC-KTTV



Headquarters : 229 Dong Khoi St., Dist.1, Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 38 272 295 - Fax: (84.8) 38 272 300
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang : 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Can Tho : 162C/4 Tran Ngoc Que St., Can Tho City
www.a-c.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2011 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2011 của Công ty cổ phần Nam Việt gồm: Bảng cân đối kế toán tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 07 tháng 02 năm 2012, từ trang 06 đến trang 38 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến về các báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Nam Việt tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C)



Lý Quốc Trung - Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ kiểm toán viên số: Đ.0099/KTV

Phan Vũ Công Bá - Kiểm toán viên
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0197/KTV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 3 năm 2012

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN		100		1.550.502.578.848	1.341.127.556.246
I. Tiền và các khoản tương đương tiền		110	V.1	140.080.363.330	69.543.874.576
1. Tiền		111		14.470.459.330	17.562.854.576
2. Các khoản tương đương tiền		112		125.609.904.000	51.981.020.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		120		167.647.441.201	128.966.244.506
1. Đầu tư ngắn hạn		121	V.2	167.647.441.201	128.966.244.506
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn		130		909.751.344.312	919.205.589.849
1. Phải thu khách hàng		131	V.3	491.038.052.598	495.455.760.552
2. Trả trước cho người bán		132	V.4	14.155.693.977	5.465.497.849
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn		133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		134		-	-
5. Các khoản phải thu khác		135	V.5	471.161.880.930	472.971.414.288
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		139	V.6	(66.604.283.193)	(54.687.082.840)
IV. Hàng tồn kho		140		294.340.155.555	211.633.544.645
1. Hàng tồn kho		141	V.7	295.389.165.328	217.090.050.158
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		149	V.8	(1.049.009.773)	(5.456.505.513)
V. Tài sản ngắn hạn khác		150		38.683.274.450	11.778.302.670
1. Chi phí trả trước ngắn hạn		151		-	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		152		7.343.790.173	5.617.781.540
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ		157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác		158	V.9	31.339.484.277	6.160.521.130

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		614.463.953.135	560.972.844.914
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		205.193.886.512	177.031.332.030
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	44.092.776.780	68.953.240.219
<i>Nguyên giá</i>	222		230.782.048.653	233.479.319.558
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(186.689.271.873)	(164.526.079.339)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	16.371.119.822	16.196.229.384
<i>Nguyên giá</i>	228		16.593.198.822	16.359.258.822
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(222.079.000)	(163.029.438)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.12	144.729.989.910	91.881.862.427
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		408.966.824.000	383.513.754.400
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.13	128.000.000.000	128.000.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.14	39.150.000.000	31.900.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.15	253.704.000.000	233.400.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	V.16	(11.887.176.000)	(9.786.245.600)
V. Tài sản dài hạn khác	260		303.242.623	427.758.484
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.17	303.242.623	427.758.484
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2.164.966.531.983	1.902.100.401.160

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		787.570.576.097	558.012.174.560
I. Nợ ngắn hạn	310		786.054.362.981	555.873.382.138
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.18	355.714.046.613	226.996.080.000
2. Phải trả người bán	312	V.19	338.357.809.467	280.201.740.616
3. Người mua trả tiền trước	313	V.20	11.756.655.063	23.965.339.074
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.21	4.630.131.089	4.124.487.640
5. Phải trả người lao động	315	V.22	3.491.532.668	1.117.175.687
6. Chi phí phải trả	316	V.23	2.017.787.300	493.639.348
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.24	60.350.280.230	5.630.194.398
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.25	9.736.120.551	13.344.725.375
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		1.516.213.116	2.138.792.422
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.26	1.516.213.116	2.138.792.422
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.377.395.955.886	1.344.088.226.600
I. Vốn chủ sở hữu	410		1.377.395.955.886	1.344.088.226.600
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.27	660.000.000.000	660.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.27	611.965.459.100	611.965.459.100
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414	V.27	(27.417.629.848)	(27.417.629.848)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.27	132.848.126.634	99.540.397.348
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.164.966.531.983	1.902.100.401.160

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	2.598.204.737
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	V.28	20.258.042.067	14.264.181.471
5. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		118.342,52	757.475,28
Euro (EUR)		1.659,26	1.669,64
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

An Giang, ngày 07 tháng 02 năm 2012


Trần Thị Quý
Người lập biểu


Trần Minh Cảnh
Kế toán trưởng


Doãn Tới
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

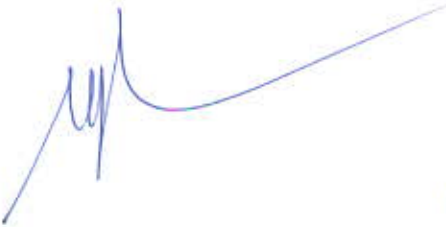
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VL.1	1.563.143.651.561	1.340.684.975.502
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VL.1	10.997.413.986	10.299.781.432
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VL.1	1.552.146.237.575	1.330.385.194.070
4. Giá vốn hàng bán	11	VL.2	1.390.202.668.246	1.224.844.652.662
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		161.943.569.329	105.540.541.408
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VL.3	96.657.992.930	97.577.750.431
7. Chi phí tài chính	22	VL.4	39.305.474.441	37.573.026.204
Trong đó: chi phí lãi vay	23		32.164.726.543	29.009.876.047
8. Chi phí bán hàng	24	VL.5	77.504.676.336	120.175.103.860
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VL.6	38.977.560.864	45.006.230.837
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		102.813.850.618	363.930.938
11. Thu nhập khác	31	VL.7	9.004.076.654	3.288.867.109
12. Chi phí khác	32	VL.8	19.340.957.125	1.242.120.435
13. Lợi nhuận khác	40		(10.336.880.471)	2.046.746.674
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		92.476.970.147	2.410.677.612
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.21	-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	V.17	124.515.861	240.414.540
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>92.352.454.286</u>	<u>2.170.263.072</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VL.9	-	-

An Giang, ngày 07 tháng 02 năm 2012


 Trần Thị Quý
 Người lập biểu


 Trần Minh Cảnh
 Kế toán trưởng


 Đoàn Tới
 Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		92.476.970.147	2.410.677.612
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.10, V.11	24.796.050.349	28.830.053.719
- Các khoản dự phòng	03	V.6, V.8, V.16	15.604.495.609	10.394.313.479
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	VI.3	(6.991.152.580)	(8.010.797.471)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3, VI.7, VI.8	(43.653.970.646)	(21.861.712.217)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	32.164.726.543	29.009.876.047
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		114.397.119.422	40.772.411.169
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(16.053.217.786)	165.687.292.547
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(78.299.115.170)	(11.954.798.115)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		103.783.267.774	143.357.887.943
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(3.171.927.532)	-
- Tiền lãi vay đã trả	13	V.23, VI.4	(31.766.889.231)	(28.516.236.699)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	19.200.000.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(6.670.403.119)	(1.128.975.245)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		82.218.834.358	327.417.581.600
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.10, VII	(51.089.840.107)	(6.274.834.391)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	VI.7	2.325.236.363	934.603.559
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(294.943.651.985)	(304.292.233.882)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		256.952.402.369	175.335.989.376
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	V.14	(27.554.000.000)	(34.253.713.184)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.5, VI.3, VIII.2	32.670.434.875	17.863.360.046
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(81.639.418.485)	(150.686.828.476)

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.18	1.120.723.456.971	1.081.818.219.088
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.18	(992.033.215.358)	(1.336.018.111.752)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.27	(58.774.189.700)	(35.211.675.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		69.916.051.913	(289.411.568.164)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		70.495.467.786	(112.680.815.040)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	69.543.874.576	182.150.410.080
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		41.020.968	74.279.536
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	140.080.363.330	69.543.874.576

An Giang, ngày 07 tháng 02 năm 2012

Trần Thị Quý
Người lập biểu

Trần Minh Cảnh
Kế toán trưởng



Đoàn Tới
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2011

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất - chế biến, thương mại.
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Nuôi cá; Sản xuất bao bì giấy; In bao bì các loại; Sản xuất, chế biến và bảo quản thủy sản; Chế biến dầu cá và bột cá; Mua bán cá, thủy sản.
4. **Nhân viên**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 Công ty có 1.169 nhân viên đang làm việc (cuối năm trước là 1.449 nhân viên).
5. **Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**
Lợi nhuận của Công ty năm nay tăng đáng kể so với năm trước chủ yếu là do đơn giá bán tăng và chi phí vận chuyển giảm.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.
3. **Hình thức kế toán áp dụng**
Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 30
Máy móc và thiết bị	03 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	02 - 07

6. Tài sản thuê hoạt động

Công ty là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí khi phát sinh hoặc phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê phù hợp với việc ghi nhận doanh thu cho thuê hoạt động.

Công ty là bên đi thuê

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 06 năm.

8. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

10. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

11. Trích lập quỹ dự phòng trợ mất việc làm và bảo hiểm thất nghiệp

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 tại Công ty. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là $\frac{1}{2}$ tháng lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 người sử dụng lao động phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 01% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp người sử dụng lao động không phải trích lập dự phòng trợ cấp mất việc làm cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009. Tuy nhiên trợ cấp thôi việc trả cho người lao động đủ điều kiện cho thời gian làm việc trước ngày 01 tháng 01 năm 2009 là mức lương bình quân trong vòng sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc.

12. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chỉ tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

13. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

14. Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập theo Nghị quyết Đại hội cổ đông hàng năm.

15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

16. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được quy đổi theo tỷ giá tại ngày cuối năm.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2010 : 18.932 VND/USD
31/12/2011 : 20.828 VND/USD

17. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được trình bày ở thuyết minh số IV.6.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

18. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

19. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Công cụ tài chính phức hợp

Công cụ tài chính phức hợp do Công ty phát hành được phân loại thành các thành phần nợ phải trả và thành phần vốn chủ sở hữu theo nội dung thỏa thuận trong hợp đồng và định nghĩa về nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Phần vốn chủ sở hữu được xác định là giá trị còn lại của công cụ tài chính sau khi trừ đi giá trị hợp lý của phần nợ phải trả. Giá trị của công cụ phái sinh (như là hợp đồng quyền chọn bán) đi kèm công cụ tài chính phức hợp không thuộc phần vốn chủ sở hữu (như là quyền chọn chuyển đổi vốn chủ sở hữu) được trình bày trong phần nợ phải trả. Tổng giá trị ghi sổ cho các phần nợ phải trả và vốn chủ sở hữu khi ghi nhận ban đầu bằng với giá trị hợp lý của công cụ tài chính.

20. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

21. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

22. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.2.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	3.735.528.043	846.787.753
Tiền gửi ngân hàng	10.734.931.287	16.716.066.823
Các khoản tương đương tiền (*)	125.609.904.000	51.981.020.000
Cộng	140.080.363.330	69.543.874.576

(*) Tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng.



CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**2. Đầu tư ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Kỳ phiếu Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Hà Nội - Chi nhánh An Giang	-	50.000.000.000
Cho các cá nhân vay	68.226.316.740	-
Cho Công ty TNHH Đại Tây Dương vay	171.059.016	48.984.102.291
Cho Công ty TNHH cromit Nam Việt vay	99.250.065.445	29.982.142.215
Cộng	167.647.441.201	128.966.244.506

3. Phải thu khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Các khách hàng nước ngoài	273.695.044.220	275.267.926.956
Các khách hàng trong nước	217.343.008.378	220.187.833.596
Cộng	491.038.052.598	495.455.760.552

4. Trả trước cho người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Các nhà cung cấp nước ngoài	9.340.171.950	-
Các nhà cung cấp trong nước	4.815.522.027	5.465.497.849
Cộng	14.155.693.977	5.465.497.849

5. Các khoản phải thu khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Cho nhân viên vay	-	1.760.046.294
Thuế nhập khẩu chờ hoàn	507.186.975	44.505.600
Lãi cho vay, kỳ phiếu và tiền gửi có kỳ hạn	8.862.548.337	8.655.309.324
Chi hộ cho Công ty cổ phần Ba Long cước vận chuyển	69.435.270	2.566.183.020
Tiền, vật tư cho mượn	457.554.762.197	459.272.782.379
Các khoản phải thu khác	4.167.948.151	672.587.671
Cộng	471.161.880.930	472.971.414.288

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn dưới 01 năm	743.809.536	11.761.870.631
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm	9.649.648.876	116.941.466
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm	1.175.408.887	37.611.011.885
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn trên 03 năm	55.035.415.894	5.197.258.858
Cộng	66.604.283.193	54.687.082.840

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:

Số đầu năm	54.687.082.840
Trích lập dự phòng bổ sung	17.911.060.949
Xóa nợ trong năm	(5.993.860.596)
Số cuối năm	66.604.283.193

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	17.722.457.198	9.404.281.278
Công cụ, dụng cụ	1.518.134.129	848.412.494
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	126.053.793.382	7.672.474.360
Thành phẩm	135.617.777.668	185.448.359.067
Hàng gửi đi bán	14.477.002.951	13.716.522.959
Cộng	295.389.165.328	217.090.050.158

8. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá thành phẩm tồn kho.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

Số đầu năm	5.456.505.513
Hoàn nhập dự phòng	(4.407.495.740)
Số cuối năm	1.049.009.773

9. Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tạm ứng	28.277.685.982	6.160.521.130
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	3.061.798.295	-
Cộng	31.339.484.277	6.160.521.130

10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	80.717.966.047	131.161.722.651	14.108.646.732	7.490.984.128	233.479.319.558
Mua sắm mới	-	14.000.000	32.500.000	87.091.254	133.591.254
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	-	984.214.908	-	984.214.908
Thanh lý, nhượng bán	(224.416.108)	(2.466.671.587)	(1.123.989.372)	-	(3.815.077.067)
Số cuối năm	80.493.549.939	128.709.051.064	14.001.372.268	7.578.075.382	230.782.048.653
Trong đó:					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	8.625.360.167	47.143.406.542	7.086.668.996	3.454.417.733	66.309.853.438

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	54.185.736.833	94.025.621.678	10.651.829.681	5.662.891.147	164.526.079.339
Khấu hao trong năm (*)	5.872.047.422	16.171.887.160	1.735.478.961	957.587.244	24.737.000.787
Thanh lý, nhượng bán	(211.948.547)	(1.525.606.385)	(836.253.321)	-	(2.573.808.253)
Số cuối năm	59.845.835.708	108.671.902.453	11.551.055.321	6.620.478.391	186.689.271.873
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	26.532.229.214	37.136.100.973	3.456.817.051	1.828.092.981	68.953.240.219
Số cuối năm	20.647.714.231	20.037.148.611	2.450.316.947	957.596.991	44.092.776.780
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	13.922.842.152	12.765.217.554	735.576.502	414.559.142	27.838.195.350
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

(*) Trong đó, khấu hao của các tài sản cố định hữu hình chưa cần dùng hạch toán vào chi phí khác là 16.652.469.759 VND.

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là 51.529.471.426 VND và 9.921.759.597 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Hà Nội – Chi nhánh An Giang.

11. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	16.183.967.822	175.291.000	16.359.258.822
Mua trong năm	-	233.940.000	233.940.000
Số cuối năm	16.183.967.822	409.231.000	16.593.198.822
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	133.538.500	133.538.500
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	-	163.029.438	163.029.438
Khấu hao trong năm	-	59.049.562	59.049.562
Số cuối năm	-	222.079.000	222.079.000
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	16.183.967.822	12.261.562	16.196.229.384
Số cuối năm	16.183.967.822	187.152.000	16.371.119.822
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Quyền sử dụng đất nguyên giá 6.359.642.066 VND, thời gian sử dụng lâu dài đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh An Giang.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển tăng TSCĐ	Số cuối năm
Dự án các khu nuôi trồng thủy sản	70.225.028.670	27.587.320.624	-	97.812.349.294
Đất khu bệnh xá công an	19.280.000.000	21.125.130.600	-	40.405.130.600
Nồi hơi	328.020.000	-	-	328.020.000
Bể xử lý nước thải	1.456.210.000	-	-	1.456.210.000
Mua sắm tài sản cố định	-	1.947.963.635	(984.214.908)	963.748.727
Sửa chữa nhà máy Thái Bình Dương	-	3.171.927.532	-	3.171.927.532
Chi phí khác	592.603.757	-	-	592.603.757
Cộng	91.881.862.427	53.832.342.391	(984.214.908)	144.729.989.910

13. Đầu tư vào công ty con

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH một thành viên Ân Độ Dương ^(a)	36.000.000.000	36.000.000.000
Công ty cổ phần cromit Nam Việt ^(b)	92.000.000.000	92.000.000.000
Cộng	128.000.000.000	128.000.000.000

(a) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5704000012 ngày 26 tháng 10 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Cần Thơ cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH một thành viên Ân Độ Dương 36.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ.

(b) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 2801172029 ngày 16 tháng 12 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp, Công ty đầu tư vào Công ty cổ phần cromit Nam Việt 92.000.000.000 VND, tương đương 51% vốn điều lệ.

14. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

Đầu tư vào Công ty cổ phần DAP số 2 – Vinachem.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1203000200 ngày 18 tháng 02 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai cấp, vốn góp của Công ty vào Công ty cổ phần DAP số 2 – Vinachem 435.000.000.000 VND, tương đương 29% vốn điều lệ. Trong năm, Công ty đã đầu tư thêm 7.250.000.000 VND. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty nắm giữ 3.915.000 cổ phiếu, tương đương 1,96% vốn điều lệ của Công ty cổ phần DAP số 2 – Vinachem (số đầu năm là 3.190.000 cổ phiếu, tương đương 1,59%). Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty cổ phần DAP số 2 – Vinachem là 395.850.000.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

15. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư cổ phiếu		188.200.000.000		188.200.000.000
Ngân hàng thương mại cổ phần phát triển Mê Kông (MDB)	54.000	135.000.000.000	54.000	135.000.000.000
Công ty cổ phần bảo hiểm Hàng Không	4.000.000	43.200.000.000	4.000.000	43.200.000.000
Công ty tài chính cổ phần hóa chất Việt Nam	1.000.000	10.000.000.000	1.000.000	10.000.000.000
Đầu tư dài hạn khác		65.504.000.000		45.200.000.000
Công ty cổ phần quản lý quỹ đầu tư chứng khoán Việt Long	2.000.000	20.200.000.000	2.000.000	20.200.000.000
Công ty cổ phần quản lý quỹ đầu tư chứng khoán Bàn Việt	200	20.000.000.000	200	20.000.000.000
Công ty cổ phần quản lý quỹ Hùng Việt	-	5.000.000.000	-	5.000.000.000
Công ty cổ phần cromit Cổ Định Thanh Hóa		20.304.000.000		-
Cộng		253.704.000.000		233.400.000.000

16. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn khác.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn như sau:

Số đầu năm	9.786.245.600
Trích lập dự phòng bổ sung	2.100.930.400
Số cuối năm	11.887.176.000

17. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

Số đầu năm	427.758.484
Số hoàn nhập	(124.515.861)
Số cuối năm	303.242.623

18. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	339.449.177.135	216.996.080.000
Ngân hàng thương mại cổ phần xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn ^(a)	31.000.000.000	35.596.080.000
Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh An Giang ^(b)	185.303.977.135	119.300.000.000
Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Hà Nội - Chi nhánh An Giang ^(c)	123.145.200.000	62.100.000.000
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	16.264.869.478	10.000.000.000
Công ty tài chính cổ phần hóa chất Việt Nam	-	10.000.000.000
Công ty TNHH một thành viên Ấn Độ Dương ^(d)	12.560.980.478	-
Ông Doãn Tới ^(e)	3.703.889.000	-
Cộng	355.714.046.613	226.996.080.000

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (a) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần xuất nhập khẩu Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp máy móc thiết bị của Công ty TNHH một thành viên Ấn Độ Dương và Công ty TNHH Đại Tây Dương và được đảm bảo bằng 9.000.000 cổ phiếu của Công ty cổ phần Nam Việt thuộc sở hữu của Ông Doãn Chí Thanh.
- (b) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh An Giang để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất của Công ty (xem thuyết minh số V.11)
- (c) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Hà Nội – Chi nhánh An Giang để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp máy móc thiết bị của Công ty (xem thuyết minh số V.10).
- (d) Khoản vay Công ty TNHH một thành viên Ấn Độ Dương để bổ sung vốn lưu động.
- (e) Khoản vay ông Doãn Tới để bổ sung vốn lưu động.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Chênh lệch tỉ giá	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	216.996.080.000	988.328.256.471	15.000.000	(865.890.159.336)	339.449.177.135
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	10.000.000.000	132.395.200.500	12.725.000	(126.143.056.022)	16.264.869.478
Vay dài hạn đến hạn trả	-	-	-	-	-
Cộng	226.996.080.000	1.120.723.456.971	27.725.000	(992.033.215.358)	355.714.046.613

19. Phải trả người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Các nhà cung cấp nước ngoài	126.753.279	135.679.740
Các nhà cung cấp trong nước	36.460.217.334	50.870.907.880
Các nhà cung cấp là công ty có liên quan	301.770.838.854	229.195.152.996
Cộng	338.357.809.467	280.201.740.616

20. Người mua trả tiền trước

	Số cuối năm	Số đầu năm
Các khách hàng nước ngoài	8.437.011.356	12.459.842.064
Các khách hàng trong nước	3.319.643.707	11.505.497.010
Cộng	11.756.655.063	23.965.339.074

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

21. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	716.346.966	(716.346.966)	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	787.516.260	(787.516.260)	-
Thuế xuất, nhập khẩu	74.142.202	476.660.769	(82.706)	550.720.265
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.973.883.885	-	-	3.973.883.885
Thuế thu nhập cá nhân	76.461.553	1.999.586.900	(1.970.521.514)	105.526.939
Thuế tài nguyên	-	7.220.160	(7.220.160)	-
Thuế nhà đất	-	327.303.900	(327.303.900)	-
Các loại thuế khác	-	3.000.000	(3.000.000)	-
Cộng	4.124.487.640	4.317.634.955	(3.811.991.506)	4.630.131.089

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Thành phẩm xuất khẩu 0%
- Cá nguyên liệu 5%
- Mỡ cá, thuê nhà 10%

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 70/CNUB ngày 16 tháng 8 năm 2004 do Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang cấp và Công văn số 2657/CT.TTr2 ngày 28 tháng 11 năm 2006 của Cục thuế tỉnh An Giang, Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho thu nhập từ đầu tư sản xuất, kinh doanh hàng xuất khẩu với thuế suất thuế 20% trong 10 năm kể từ năm 2005. Ngoài ra Công ty còn được ưu đãi bổ sung như sau:

- Được giảm 50% số thuế phải nộp cho phần thu nhập có được khi xuất khẩu ra thị trường quốc gia mới hoặc lãnh thổ mới khác với thị trường trước đây.
- Được giảm 50% số thuế thu nhập phải nộp cho phần thu nhập tăng thêm do xuất khẩu trong năm tài chính đối với nhà đầu tư có doanh thu xuất khẩu năm nay cao hơn năm trước.
- Được giảm 20% số thuế thu nhập phải nộp cho phần thu nhập có được do xuất khẩu trong năm tài chính khi có doanh thu xuất khẩu đạt tỷ trọng trên 50% tổng doanh thu và duy trì thị trường xuất khẩu ổn định về số lượng hoặc giá trị hàng hóa xuất khẩu trong 03 năm liên tục trước đó.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	92.476.970.147	2.410.677.612
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Năm nay	Năm trước
- Các khoản điều chỉnh tăng	25.602.034.260	2.131.060.012
- Các khoản điều chỉnh giảm	(17.287.617.741)	(16.483.467.379)
Thu nhập chịu thuế	100.791.386.666	(11.941.729.755)
Lỗi các năm trước được chuyển	(284.515.627.012)	(272.573.897.257)
Thu nhập tính thuế	(183.724.240.346)	(284.515.627.012)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-	-

Thuế nhà đất

Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

22. Phải trả người lao động

Lương tháng 12 và tháng 13 còn phải trả nhân viên.

23. Chi phí phải trả

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi vay phải trả	891.476.660	493.639.348
Chi phí dịch vụ phải trả	1.126.310.640	-
Cộng	2.017.787.300	493.639.348

24. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế và Bảo hiểm thất nghiệp	555.291.854	299.699.374
Vật tư, hàng hóa tạm nhập	56.857.041.154	3.651.566.206
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	811.843.200	541.307.900
Các khoản phải trả khác	2.126.104.022	1.137.620.918
Cộng	60.350.280.230	5.630.194.398

25. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Số đầu năm	13.344.725.375
Chi quỹ	(3.608.604.824)
Số cuối năm	9.736.120.551

26. Dự phòng trợ cấp mất việc làm

Số đầu năm	2.138.792.422
Số đã chi	(622.579.306)
Số cuối năm	1.516.213.116

27. Vốn chủ sở hữu**Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục đính kèm trang 39.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**Cổ tức**

Cổ tức đã chi trả như sau:

Trả cổ tức năm trước (9% mệnh giá)	58.774.189.700
Tạm ứng cổ tức	-
Cộng	58.774.189.700

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	66.000.000	66.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	66.000.000	66.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	66.000.000	66.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	394.750	394.750
- Cổ phiếu phổ thông	394.750	394.750
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	65.605.250	65.605.250
- Cổ phiếu phổ thông	65.605.250	65.605.250
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

28. Nợ khó đòi đã xử lý

Số đầu năm	14.264.181.471
Nợ khó đòi đã xử lý	5.993.860.596
Số cuối năm	20.258.042.067

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	1.563.143.651.561	1.340.684.975.502
- Doanh thu bán hàng hóa	17.558.783.495	9.479.985.155
- Doanh thu bán thành phẩm	1.545.584.868.066	1.331.204.990.347
Các khoản giảm trừ doanh thu:	(10.997.413.986)	(10.299.781.432)
- Giảm giá hàng bán	(6.713.108.648)	(4.789.610.646)
- Hàng bán bị trả lại	(4.284.305.338)	(5.510.170.786)
Doanh thu thuần	1.552.146.237.575	1.330.385.194.070
Trong đó:		
- Doanh thu thuần bán hàng hóa	17.183.805.273	9.479.985.155
- Doanh thu thuần bán thành phẩm	1.534.962.432.302	1.320.905.208.915

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	14.986.799.066	12.737.968.656
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp ⁽ⁱ⁾	1.379.623.364.920	1.226.818.161.167
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(4.407.495.740)	(14.711.477.161)
Cộng	1.390.202.668.246	1.224.844.652.662

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(i) Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp như sau:

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	1.198.263.077.475	956.406.905.528
Chi nhân công trực tiếp	9.969.682.999	23.393.558.694
Chi phí sản xuất chung	240.723.739.678	263.985.348.711
Tổng chi phí sản xuất	1.448.956.500.152	1.243.785.812.933
Chênh lệch chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	(118.381.319.022)	4.039.807.377
Tổng giá thành sản xuất	1.330.575.181.130	1.247.825.620.310
Chênh lệch tồn kho thành phẩm và hàng gửi bán	49.070.101.407	(21.033.746.343)
Nhập khác	-	26.287.200
Xuất khác	(21.917.617)	-
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp	1.379.623.364.920	1.226.818.161.167

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	12.912.728.659	10.913.010.075
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	431.540.833	697.498.514
Lãi tiền cho vay	18.978.798.884	3.697.659.941
Lãi đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu	1.091.608.055	7.400.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	9.586.867.499	6.924.900.000
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	6.991.152.580	8.010.797.471
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	46.665.296.420	67.326.484.430
Cộng	96.657.992.930	97.577.750.431

4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	32.164.726.543	29.009.876.047
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	5.039.817.498	5.996.384.557
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	2.100.930.400	2.566.765.600
Cộng	39.305.474.441	37.573.026.204

5. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	37.863.122	107.775.334
Chi phí nhân công	1.779.115.724	3.357.703.504
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.519.998	8.983.162.546
Chi phí hoa hồng	4.575.630.309	5.017.539.567
Chi phí vận chuyển	50.890.420.268	80.217.769.123
Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.275.962.540	19.721.111.906
Chi phí khác	1.944.164.375	2.770.041.880
Cộng	77.504.676.336	120.175.103.860

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.050.694.676	1.208.503.513
Chi phí nhân công	10.300.381.902	8.075.135.329
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.122.033.037	4.061.470.825
Thuế, phí và lệ phí	1.702.856.291	1.390.699.684
Chi phí dự phòng	17.911.060.949	22.539.025.040
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.362.681.087	2.363.725.884
Chi phí khác	3.527.852.922	5.367.670.562
Cộng	38.977.560.864	45.006.230.837

7. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thu tiền thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	2.325.236.363	934.603.559
Thu nhập khác	6.678.840.291	2.354.263.550
Cộng	9.004.076.654	3.288.867.109

8. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý, nhượng bán	1.241.268.814	615.861.358
Chi phí khấu hao của tài sản tạm thời ngưng hoạt động	16.652.469.759	-
Chi phí khác	1.447.218.552	626.259.077
Cộng	19.340.957.125	1.242.120.435

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Công ty không tính chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 "Lãi trên cổ phiếu", trường hợp Công ty phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo qui định của Chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.212.596.358.587	975.875.063.732
Chi phí nhân công	27.193.663.319	43.340.879.295
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.143.580.590	28.830.053.719
Chi phí dịch vụ mua ngoài	289.823.368.597	323.089.076.663
Chi phí khác	27.681.766.259	37.832.074.221
Cộng	1.565.438.737.352	1.408.967.147.630

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Các giao dịch không bằng tiền

Trong năm, Công ty đã mua bằng cách nhận nợ một số tài sản cố định trị giá 1.173.288.400 VND (số năm trước là 1.235.182.394 VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Áp dụng quy định kế toán mới

Ngày 06 tháng 11 năm 2009 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính và được áp dụng để trình bày và thuyết minh các công cụ tài chính trên Báo cáo tài chính từ năm 2011 trở đi.

Theo yêu cầu của Thông tư này Công ty cũng đã bổ sung thêm các thuyết minh từ VIII.4 đến VIII.8 dưới đây.

Ngoài ra, Thông tư này cũng yêu cầu Công ty phải xem xét các điều khoản trong công cụ tài chính phức hợp để xác định liệu công cụ đó có bao gồm các thành phần nợ phải trả và thành phần vốn chủ sở hữu hay không. Phần được phân loại là nợ phải trả được trình bày riêng biệt với phần được phân loại là tài sản tài chính hoặc vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán. Yêu cầu của Thông tư này không ảnh hưởng đến tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty do Công ty chưa phát hành các công cụ tài chính phức hợp.

2. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Hội đồng quản trị</i>		
Vay	22.203.889.000	23.065.000.000
Doanh thu bán nhà	296.772.727	-
Lãi cho vay	37.309.729	66.800.745

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hội đồng quản trị	777.266.883	522.641.552
Cộng nợ phải thu	777.266.883	522.641.552
Hội đồng quản trị	3.703.889.000	-
Cộng nợ phải trả	3.703.889.000	-

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt trong năm là 824.792.666 VND (năm trước là 638.023.502 VND).

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty TNHH một thành viên Ấn Độ Dương	Công ty con
Công ty cổ phần cromit Nam Việt	Công ty con
Công ty cổ phần DAP số 2 - Vinachem	Công ty liên kết
Công ty TNHH Đại Tây Dương	Công ty cùng Tổng Giám đốc
Công ty TNHH Thanh Thiên	Công ty cùng Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Công ty TNHH Đại Tây Dương</i>		
Bán thành phẩm, bao bì	2.505.178.000	32.138.208.500
Lãi cho vay	3.416.486.834	2.294.457.382
Cho vay	26.391.000.000	105.567.091.667
Chi hộ	352.000	14.204.000
Cho mượn nguyên liệu	-	19.111.400
Chi phí gia công	-	13.481.807.000
Mua sản phẩm	24.582.832.683	5.986.891.373
Chi phí thuê kho, thuê tài sản	347.272.602	1.752.382.393
Chi phí khác	264.394.962	-
Thu hộ	3.011.198	36.482.920.193
Mua tài sản	-	56.761.902
<i>Công ty TNHH một thành viên Ấn Độ Dương</i>		
Bán thành phẩm, bao bì	86.251.414.725	46.831.118.150
Bán nguyên vật liệu	60.386.073	17.820.000
Lãi cho vay	497.846.065	561.689.502
Cho vay	81.160.000.000	118.743.000.000
Chi hộ	3.298.376.268	1.296.048.003
Chi phí gia công	204.994.954.340	236.386.831.131
Mua sản phẩm	2.323.941.326	6.338.774.637
Mua khác	276.442.000	26.518.110
Nhận tiền vay	110.204.036.500	109.016.449.600
Chi phí lãi vay	510.683.060	399.684.021
Thu hộ	41.275.607	-
<i>Công ty cổ phần cromit Nam Việt</i>		
Bán tài sản	360.000.000	278.405.796
Cho mượn vật tư	-	18.794.000
Chi hộ	429.251.203	674.832.951
Lãi cho vay	11.452.832.234	516.009.733
Cho vay	103.120.597.785	29.982.142.215
Mua hàng hóa	3.802.874.392	-
Thu hộ	20.000.000	-

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Công ty TNHH Đại Tây Dương</i>		
Phải thu tiền bán hàng	151.902.179.082	158.729.010.630
Phải thu lãi cho vay	-	1.760.503.025
Cho vay	171.059.016	48.984.102.291
<i>Công ty TNHH một thành viên Ấn Độ Dương</i>		
Phải thu tiền bán hàng	-	2.299.716
Cho mượn tiền	450.000.000.000	450.000.000.000
Phải thu khác	4.863.912.197	4.881.114.848

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty cổ phần cromit Nam Việt		
Phải thu bán hàng	800.156.396	424.156.396
Phải thu lãi cho vay	11.968.841.967	516.009.733
Cho vay	99.250.065.445	29.982.142.215
Phải thu khác	1.800.668.734	1.346.417.531
Cộng nợ phải thu	720.756.882.837	696.625.756.385
 Công ty TNHH Đại Tây Dương		
Phải trả tiền hàng	229.406.185	229.563.562
 Công ty TNHH một thành viên Ấn Độ Dương		
Phải trả tiền hàng	301.545.368.438	228.965.746.811
Phải trả tiền vay	12.560.980.478	
Phải trả khác	580.000	
 Công ty cổ phần cromit Nam Việt		
Phải trả khác	-	572.727
 Cộng nợ phải trả	314.336.335.101	229.195.883.100

Ngoài ra, Công ty TNHH một thành viên Ấn Độ Dương và Công ty TNHH Đại Tây Dương còn dùng tài sản cố định của mình để bảo lãnh thế chấp cho các khoản vay ngân hàng.

3. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

Khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bố chủ yếu ở trong nước và xuất khẩu.

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	Năm nay	Năm trước
Xuất khẩu	1.247.246.427.227	1.086.098.767.302
Trong nước	304.899.810.348	244.286.426.768
Cộng	1.552.146.237.575	1.330.385.194.070

Công ty không thực hiện theo dõi các thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng.

Lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động của Công ty chỉ nằm trong một lĩnh vực kinh doanh là sản xuất chế biến cá.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	140.080.363.330	69.543.874.576	140.080.363.330	69.543.874.576
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	50.000.000.000	-	50.000.000.000
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	221.512.824.000	223.613.754.400	221.512.824.000	223.613.754.400
Phải thu khách hàng	424.435.218.405	441.951.857.183	424.435.218.405	441.951.857.183
Các khoản cho vay	167.647.441.201	78.966.244.506	167.647.441.201	78.966.244.506
Các khoản phải thu khác	502.499.916.207	477.948.755.947	502.499.916.207	477.948.755.947
Cộng	1.456.175.763.143	1.342.024.486.612	1.456.175.763.143	1.342.024.486.612
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	338.357.809.467	280.201.740.616	338.357.809.467	280.201.740.616
Vay và nợ	355.714.046.613	226.996.080.000	355.714.046.613	226.996.080.000
Phải trả người lao động	3.491.532.668	1.117.175.687	3.491.532.668	1.117.175.687
Chi phí phải trả	2.017.787.300	493.639.348	2.017.787.300	493.639.348
Các khoản phải trả khác	61.866.493.346	7.768.986.820	61.866.493.346	7.768.986.820
Cộng	761.447.669.394	516.577.622.471	761.447.669.394	516.577.622.471

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải trả cho người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản cho vay có lãi suất cố định hoặc thay đổi được đánh giá dựa trên các thông tin như lãi suất, rủi ro, khả năng trả nợ và tính chất rủi ro liên quan đến khoản nợ. Trên cơ sở đánh giá này Công ty ước tính dự phòng cho phần có khả năng không thu hồi được.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá công bố giao dịch tại ngày kết thúc năm tài chính. Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết được ước tính bằng các phương pháp định giá phù hợp.

5. Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Công ty đã thế chấp tài sản cố định hữu hình để đảm bảo cho các khoản vay của ngân hàng (xem thuyết minh số V.10). Thông tin về việc thế chấp tài sản cho đơn vị khác như sau:

Tài sản thế chấp	Giá trị sổ sách	Điều khoản và điều kiện thế chấp
Số cuối năm		
Máy móc thiết bị	9.921.759.597	Việc thế chấp tài sản kết thúc khi Công ty hoàn thành nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng
Quyền sử dụng đất	6.359.642.066	
Cộng	16.281.401.663	
Số đầu năm	Không có	

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. **Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu ứng trước tiền hàng đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Các khoản cho vay

Công ty cho các công ty con và các thành viên quản lý chủ chốt vay tiền. Công ty đánh giá các khoản cho vay này đều trong hạn và không bị suy giảm vì liên quan đến các đơn vị có uy tín và có khả năng thanh toán tốt.

7. **Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm	Cộng
Số cuối năm				
Phải trả cho người bán	338.357.809.467	-	-	338.357.809.467
Vay và nợ	355.714.046.613	-	-	355.714.046.613
Phải trả người lao động	3.491.532.668	-	-	3.491.532.668
Chi phí phải trả	2.017.787.300	-	-	2.017.787.300
Các khoản phải trả khác	60.350.280.230	1.516.213.116	-	61.866.493.346
Cộng	759.931.456.278	1.516.213.116	-	761.447.669.394
Số đầu năm				
Phải trả cho người bán	280.201.740.616	-	-	280.201.740.616
Vay và nợ	226.996.080.000	-	-	226.996.080.000
Phải trả người lao động	1.117.175.687	-	-	1.117.175.687
Chi phí phải trả	493.639.348	-	-	493.639.348
Các khoản phải trả khác	5.630.194.398	2.138.792.422	-	7.768.986.820
Cộng	514.438.830.049	2.138.792.422	-	516.577.622.471

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

8. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Với giả định các biến số khác không thay đổi, độ nhạy của lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty đối với các thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý của tỷ giá USD như sau:

	Thay đổi tỷ giá USD (%)	Ảnh hưởng đến Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu
Năm nay	+	4.602.768.964
	-	(4.602.768.964)
Năm trước	+	4.749.541.506
	-	(4.749.541.506)

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, cho vay và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Với giả định các biến số khác không thay đổi, biến động của lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty đối với thay đổi của lãi suất đối với các khoản vay có lãi suất thả nổi như sau:

	Thay đổi lãi suất (%)	Ảnh hưởng đến Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu
Năm nay	+	(2.765.440.746)
	-	2.765.440.746
Năm trước	+	(2.220.447.532)
	-	2.220.447.532

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

An Giang, ngày 07 tháng 02 năm 2012

Trần Thị Quý
Người lập biểu

Trần Minh Cảnh
Kế toán trưởng



Doãn Tới
Tổng Giám đốc

320474
CÔNG TY
NHIỆM VỤ
ẾM TOÁN
TƯ VẤN
TP. HỒ CHÍ MINH

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Phụ lục: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	660.000.000.000	611.965.459.100	(27.417.629.848)	130.172.759.276	1.374.720.588.528
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	2.170.263.072	2.170.263.072
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	(32.802.625.000)	(32.802.625.000)
Số dư cuối năm trước	660.000.000.000	611.965.459.100	(27.417.629.848)	99.540.397.348	1.344.088.226.600
Số dư đầu năm nay	660.000.000.000	611.965.459.100	(27.417.629.848)	99.540.397.348	1.344.088.226.600
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	92.352.454.286	92.352.454.286
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	(59.044.725.000)	(59.044.725.000)
Số dư cuối năm nay	660.000.000.000	611.965.459.100	(27.417.629.848)	132.848.126.634	1.377.395.955.886

An Giang, ngày 07 tháng 02 năm 2012



Doãn Tới
Tổng Giám đốc

Trần Minh Cảnh

Trần Minh Cảnh
Kế toán trưởng

Trần Thị Quý

Trần Thị Quý
Người lập biểu

